TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 502/2022/DS-PT
Ngày: 26-12-2022
Tranh chấp về hợp đồng dân sự- vay tài sản, nợ hụi, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt;

Ông Nguyễn Chí Dững

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26-12-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, hụi, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*"". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP. Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 429/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 507/2022/QĐ-PT ngày 14/12/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc D (P), sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 123, ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Tuyết L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 150/24, Lê Lợi, Khóm 1, Phường 3, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 6D KDC (Hùng Vương nối dài) Khóm 3, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Phú D, sinh năm 1957.

2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1956.

3. Anh Huỳnh Phú T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Số 150/24 Lê Lợi, Khóm 1, Phường 3, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1980.

5. Chị Huỳnh Thị Thanh T1, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Số 150/24A Lê Lợi, Khóm 1, Phường 3, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

6. Anh Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 150/24 Lê Lợi, Khóm 1, Phường 3, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 6D KDC (Hùng Vương nối dài) Khóm 3, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Ngọc D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:***

Trước đây bà D có cho chị Tuyết L vay tiền như sau:

- Ngày 25/9/2020 âm lịch bà D cho chị Tuyết L vay 50.000.000đồng, chị L có ký tên và viết họ tên vào biên nhận ngày 25/9/2020 âm lịch, thỏa thuận miệng lãi vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng.

- Ngày 17/12/2020 bà D có cho chị Tuyết L vay số tiền 300.000.000đồng, chị Tuyết L có ký tên và viết họ tên trong hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2020, lãi vay thỏa thuận miệng là 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, khi vay tiền chị Tuyết L có đưa bà Dgiữ 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) để làm tin gồm: GCNQSDĐ thửa đất 113, tờ bản đồ số 13, diện tích 15,9m^2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp cho chị Huỳnh Thị Tuyết L ngày 11/10/2007; GCNQSDĐ thửa đất 114, tờ bản đồ số 13, diện tích 16m^2 do UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp cho chị Huỳnh Thị Thu T ngày 11/10/2007 và GCNQSDĐ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 13 do UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp cho hộ ông Huỳnh Phú D ngày 09/7/2004, thay đổi ngày 04/10/2007, diện tích đất còn lại là 16m^2.

- Ngày 16/3/2021 âm lịch (ngày 28/4/2021 dương lịch) bà D cho chị Tuyết L vay 200.000.000đồng, chị Tuyết L có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận ngày 16/3/2021AL, lãi vay thỏa thuận miệng là 3%/tháng, thời hạn vay từ 10 – 14 ngày kể từ ngày vay.

Sau các lần vay tiền như trên chị Tuyết L không trả tiền vốn vay, tiền lãi vay lần nào cho bà Dđến nay. Chị Tuyết L vay tiền của bà Dđể làm ăn, sử dụng chung vào mục đích gia đình của chị Tuyết L.

Tại phiên tòa hôm nay bà D trình bày số tiền vốn vay 300.000.000đồng ngày 17/12/2020, đến khoảng tháng 9/2021 chị Tuyết L đã trả hết số tiền vốn vay này cho bà D bằng cách bà D hốt một phần hụi của bà Lê Thị Thanh Thủy làm chủ hụi mà bà D tham gia, hốt được 171.100.000đồng và hốt một phần hụi của bà Nguyễn Thị Kim L1 làm chủ hụi mà bà D tham gia, hốt được 163.000.000đồng. Tổng cộng hai phần hụi hốt được số tiền 334.000.000đồng, bà D lấy số tiền này cho chị Tuyết L vay lại để cấn trừ vào số tiền 16.000.000đồng, gồm tiền lãi 02 tháng của khoản vay 200.000.000đồng bà D cho chị Tuyết L vay nhưng vay vào thời gian nào thì bà D không nhớ; trừ 20.000.000đồng tiền hụi chết của 02 phần hụi chị Tuyết L tham gia trong 02 dây hụi tháng 10.000.000đồng/phần do bà D làm chủ hụi, chị Tuyết L đã hốt và phải đóng hụi chết; trừ 20.000.000đồng tiền vốn vay bà D cho chị Tuyết L vay nhiều lần trong năm 2020, nhưng bà D không nhớ thời gian, do đã tất toán xong; trừ tiếp số tiền vốn vay 300.000.000đồng chị Tuyết L vay của bà D ngày 17/12/2020. Tổng số tiền bà D hốt hụi cho chị Tuyết L vay là 334.000.000đồng – 346.000.000đồng chị Tuyết L nợ bà D như trên, nên sau khi trừ cấn chị Tuyết L còn nợ lại bà D 12.000.000đồng và nợ tiền bà D hốt hụi được để cho chị Tuyết L vay. Sau đó chị Tuyết L đã trả xong số tiền 12.000.000đồng, còn số tiền bà D hốt hụi cho chị Tuyết L vay lại để cấn trừ nợ 300.000.000đồng ngày 17/12/2020, thì chị Tuyết L vẫn còn nợ lại bà D 300.000.000đồng.

Nay bà Dyêu cầu chị Huỳnh Thị Tuyết L cùng chồng là anh Nguyễn Quốc T2 cùng liên đới trả cho bà D số tiền vốn vay là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Bà Dđồng ý tự nguyện trả lại cho chị Huỳnh Thị Tuyết L bản chính GCNQSDĐ thửa đất 113, tờ bản đồ số 13, diện tích 15,9m^2 do UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) cấp ngày 11/10/2007 cho chị Huỳnh Thị Tuyết L. Đối với bản chính GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Huỳnh Phú Dân, cấp cho chị Huỳnh Thị Thu T thì bà D đã trả lại cho ông D, chị T, chị Tuyết L nhận xong.

Đối với 02 phần hụi bà D tham gia của bà Thủy và bà Kim L1 mà bà D đã hốt để cho chị Tuyết L vay lại để cấn trừ nợ của bà D, sẽ do bà D chịu trách nhiệm đóng hụi chết cho chủ hụi. Không liên quan chị Tuyết L, vì hụi do bà D tham gia, không yêu cầu gì với chị Tuyết L đối với 02 phần hụi này.

Đối với các dây hụi bà D làm chủ hụi, chị Tuyết L tham gia chơi và các dây hụi chị Tuyết L làm chủ hụi, bà D tham gia chơi thì bà D không có tranh chấp, không có yêu cầu gì.

Ngoài ra, bà D không có yêu cầu gì khác.

**** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Huỳnh Thị Tuyết L trình bày:***

Trước đây, chị Tuyết L có vay tiền của bà D như sau:

- Ngày 25/9/2020 âm lịch chị Tuyết L vay của bà D50.000.000đồng, khi vay tiền chị Tuyết L có ký tên và ghi họ tên trong biên nhận ngày 25/9/2020AL, tuy biên nhận không có ghi lãi vay, nhưng lãi vay thỏa thuận miệng là 10%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay. Sau đó, chị Tuyết L có đóng tiền lãi

vay cho bà D được 8 tháng x 5.000.000đồng/tháng = 40.000.000đồng, đến tháng 3/2021 chị Tuyết L đã trả trực tiếp số tiền vốn vay 50.000.000đồng cho bà D xong, nhưng bà D không có làm biên nhận nhận tiền hay trả lại biên nhận ngày 25/9/2020AL cho chị Tuyết L.

- Ngày 17/12/2020 chị Tuyết L vay của bà D300.000.000đồng, chị Tuyết L có ký tên và viết họ tên trong hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2020, lãi vay thỏa thuận miệng là 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, khi vay tiền chị Tuyết L có đưa bà D giữ 03 bản chính GCNQSDĐ để làm tin gồm: GCNQSDĐ thửa đất 113, tờ bản đồ số 13, diện tích 15,9m^2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp cho chị Huỳnh Thị Tuyết L ngày 11/10/2007; GCNQSDĐ thửa đất 114, tờ bản đồ số 13, diện tích 16m^2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp cho chị Huỳnh Thị Thu T ngày 11/10/2007 và GCNQSDĐ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 13 do UBND thị xã S (nay là thành phố Sa Đéc) cấp cho hộ ông Huỳnh Phú D1 ngày 09/7/2004, thay đổi ngày 04/10/2007, diện tích đất còn lại là 16m^2. Đến nay bà D đã trả lại cho ông D, chị T, chị Tuyết L nhận lại bản chính GCNQSDĐ cấp cho hộ ông Huỳnh Phú Dân, chị Huỳnh Thị Thu T xong.

Khoản vay này chị Tuyết L có đóng tiền lãi vay cho bà D được 03 tháng x 18.000.000đồng/tháng = 54.000.000đồng, đến khoảng tháng 9/2021 chị Tuyết L đã trả hết số tiền vốn vay 300.000.000đồng cho bà Dbằng cách bà Dhốt một phần trong dây hụi tháng 20.000.000đồng/phần do bà Lê Thị Thanh T1 làm chủ hụi mà bà D tham gia, hốt được số tiền là 178.100.000đồng trừ huê hồng cho chủ hụi 7.000.000đồng, còn lại số tiền 171.100.000đồng và hốt một phần trong dây hụi tháng 20.000.000đồng/phần do bà Nguyễn Thị Kim L1 làm chủ hụi mà bà D tham gia, hốt được số tiền là 171.000.000đồng trừ huê hồng cho chủ hụi 8.000.000đồng, còn lại số tiền 163.000.000đồng; tổng cộng 02 phần hụi sau khi trừ huê hồng cho chủ hụi còn lại 334.000.000đồng cấn trừ vào số tiền vốn vay 300.000.000đồng ngày 17/12/2020 và trừ tiền nợ hụi 10.000.000đồng chị Tuyết L chơi trong dây hụi tháng 10.000.000đồng/phần do bà D làm chủ hụi, trừ 20.000.000đồng tiền vốn vay mà chị Tuyết L vay của bà Dvào khoảng tháng 8/2021 âm lịch, trừ 16.000.000đồng tiền lãi của khoản vay 200.000.000đồng chị Tuyết L vay của bà Dnhưng vay vào thời gian nào thì chị Tuyết L không nhớ, sau khi trừ cấn như trên chị Tuyết L còn nợ bà D12.000.000đồng, bà Dcó viết cho chị Tuyết L tờ giấy tính tiền không có ghi thời gian, không có ký tên. Chị Tuyết L có trách nhiệm mỗi tháng trả cho bà D 40.000.000đồng để bà D đóng hụi chết cho bà Lê Thị Thanh T2 và bà Kim L1 do bà D đã hốt hụi cho chị Tuyết L vay lại. Sau đó chị Tuyết L có đưa cho bà D200.000.000đồng để đóng tiền hụi chết cho bà Lê Thị Thanh Thủy và 100.000.000đồng đóng tiền hụi chết cho bà Kim L1, các lần đưa nhận tiền không có làm giấy tờ, biên nhận. Đến nay chị Tuyết L còn nợ tiền đưa cho bà Dđóng hụi chết cho bà Lê Thị Thanh T2 là 160.000.000đồng và đóng cho bà Kim L1 là 140.000.000đồng, tổng cộng là 300.000.000đồng, nên đồng ý trả số tiền này cho bà D.

- Ngày 16/3/2021 âm lịch (ngày 28/4/2021 dương lịch) chị Tuyết L, bà D cộng tiền nợ hụi tháng gồm hụi sống và hụi chết 10.000.000đồng/phần do bà D làm chủ hụi mà chị Tuyết L tham gia và phải đóng hụi sống, hụi chết cho bà D. Và tiền nợ chị Tuyết L phải đưa cho bà Dđể đóng tiền 02 phần hụi chết của bà Lê

Thị Thanh T2, bà Kim L1 mà bà Dđã hốt như trên và tiền lãi do chậm trả hụi, lãi vay tổng cộng là 200.000.000đồng, khi đó bà D yêu cầu nên chị Tuyết L có viết, ký tên và ghi họ tên trong biên nhận 16/3/2021AL (ngày 28/4/2021 dương lịch) vay của bà D 200.000.000đồng. Nhưng số tiền 200.000.000đồng trong biên nhận ngày 16/3/2021AL (ngày 28/4/2021 dương lịch) chị Tuyết L không biết từng khoản tiền nợ hụi, lãi do chậm trả tiền hụi, lãi vay là bao nhiêu.

Chị Tuyết L vay tiền của bà D, chơi hụi do bà D làm chủ để làm vốn mua bán quần áo, cho người khác vay lại, chồng chị Tuyết L là anh Quốc T2 không biết việc chị Tuyết L vay tiền của bà D, chơi hụi do bà D làm chủ, anh Quốc Trung cũng không có sử dụng số tiền vay, hốt hụi của bà D chung với chị Tuyết L. Khi chị Tuyết L đưa bà D giữ bản chính GCNQSDĐ của hộ ông D, của chị Huỳnh Thị Thu Thủy thì ông D, bà Lắm, anh Phú T2, chị Huỳnh Thị Thu T, chị T1, anh Quốc T2 không biết.

Nay chị Tuyết L chỉ đồng ý trả cho bà Dtiền 02 phần hụi chết bà D tham gia trong 02 dây hụi tháng 20.000.000đồng/phần của bà Thanh T1, bà Kim L1 mà bà D đã hốt để cấn trừ nợ với chị Tuyết L và chị Tuyết L có trách nhiệm đưa tiền cho bà Dđể bà D đóng tiền hụi chết cho bà Thanh T1, bà Kim L1 tổng cộng là 300.000.000đồng; chị Tuyết L không yêu cầu anh Quốc Trung cùng liên đới với chị Tuyết L trả nợ cho bà D. Chị Tuyết L thống nhất việc bà D trả lại chị Tuyết L bản chính GCNQSDĐ thửa đất 113, tờ bản đồ số 13, diện tích 15,9m^2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp cho chị Huỳnh Thị Tuyết L ngày 11/10/2007, hiện do bà D đang giữ.

Đối với các dây hụi bà D làm chủ hụi, chị Tuyết L tham gia chơi và các dây hụi chị Tuyết L làm chủ hụi, bà D tham gia chơi thì chị Tuyết L không có tranh chấp, không có yêu cầu gì.

Ngoài ra, chị Tuyết L không có yêu cầu gì khác.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phú D1, bà Lê Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vụ kiện vắng mặt, có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày (ông D có đơn yêu cầu độc lập):***

Việc vay mượn tài sản giữa chị Tuyết L và bà Ddo hai người này tự giải quyết, không liên quan gì đến ông D, bà Lắm; ông D, bà Lắm không có sử dụng chung số tiền chị Tuyết L vay mượn của bà Dung.

Trước đây ông D có yêu cầu độc lập là yêu cầu bà Dtrả lại cho ông D nhận bản chính GCNQSDĐ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 13 do UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) cấp cho hộ ông Huỳnh Phú D ngày 09/7/2004, thay đổi ngày 04/10/2007.

Đến ngày 27 tháng 6 năm 2022 ông D có nộp đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập, do bà D đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thu T có đơn yêu cầu giải quyết vụ kiện vắng mặt, có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày (chị T có đơn yêu cầu độc lập):***

Việc vay mượn tài sản giữa chị Tuyết L và bà D do hai người này tự giải quyết, không liên quan gì đến chị T, chị T không có sử dụng chung số tiền chị Tuyết L vay mượn của bà Dung.

Trước đây chị T có yêu cầu độc lập là yêu cầu bà D trả lại cho cho chị T bản chính GCNQSDĐ thửa đất 114, tờ bản đồ số 13, diện tích 16m^2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp cho chị T ngày 11/10/2007. Đến ngày 27 tháng 6 năm 2022 chị T có nộp đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập, do bà D đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Phú T2, chị Huỳnh Thị Thanh T1, anh Nguyễn Quốc Trung có đơn yêu cầu giải quyết vụ kiện vắng mặt, có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:***

Anh Phú T2, chị Thanh Thúy, anh Quốc Trung xác định việc vay mượn chơi hụi qua lại giữa bà Dvà chị Tuyết L, chị Tuyết L đưa bản chính các GCNQSDĐ cho bà Dgiữ không liên quan gì đến anh Phú T2, chị Thanh Thúy, anh Quốc Trung.

**** Anh Phú T2, chị Thanh T1, anh Quốc T2 không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án.***

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn chị Huỳnh Thị Tuyết L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc T.2

Buộc chị Huỳnh Thị Tuyết L phải trả cho bà nguyễn Thị Ngọc D số tiền vốn vay là 550.000.000đ *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc yêu cầu anh Nguyễn Quốc T2 cùng liên đới với chị Tuyết L trả cho bà D số tiền vốn vay 550.000.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu của ông Huỳnh Phú D1, chị Huỳnh Thị Thu T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, chị T.

Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 113, tờ bản đồ số 13, diện tích 15,9m^2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp cho chị Huỳnh Thị Tuyết L ngày 11/10/2007 (hiện do bà D đang giữ).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm bà D kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Buộc chị Huỳnh Thị Tuyết L phải trả cho bà D số tiền

550.000.000 đồng và anh Nguyễn Quốc T2 có nghĩa vụ liên đới cùng chị Tuyết L trả cho bà D số tiền trên.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D với bị đơn chị Huỳnh Thị Tuyết L nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, nợ hụi, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phù hợp với quy định tại khoản 3, điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà D là nguyên đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà D về số tiền nợ vay và nợ hụi với tổng số tiền là 550.000.000đ; Tòa sơ thẩm buộc chị L phải có nghĩa vụ trả là phù hợp.

Đối với yêu cầu của bà D yêu cầu anh Nguyễn Quốc T2 cùng liên đới với chị Tuyết L trả nợ cho bà D. Hội đồng xét xử nhận thấy các biên nhận vay tiền, hợp đồng vay tiền chỉ thể hiện chị Tuyết L vay tiền của bà D, anh Quốc Trung cũng không có ký tên trong các biên nhận, hợp đồng vay tiền này. Bà D không chứng minh được anh Quốc T2 đồng ý cùng với chị Tuyết L vay tiền của bà D; Đồng thời, anh Quốc T2 cũng không thừa nhận sử dụng chung số tiền với chị Tuyết L, hay chị Tuyết L sử dụng số tiền vào mục đích thiết yếu của gia đình với anh Quốc T2.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu anh Quốc T2 liên đới với chị Tuyết L trả tiền vốn vay cho bà D.

Từ những phân tích và nhận định trên hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D nên bà D phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc D;

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành Phố S.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn chị Huỳnh Thị Tuyết L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc T2.

Buộc chị Huỳnh Thị Tuyết L phải trả cho bà nguyễn Thị Ngọc D số tiền vốn vay là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc yêu cầu anh Nguyễn Quốc T2 cùng liên đới với chị Tuyết L trả cho bà D số tiền vốn vay 550.000.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu của ông Huỳnh Phú D1, chị Huỳnh Thị Thu T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, chị T.

Công nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 113, tờ bản đồ số 13, diện tích 15,9m^2 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp cho chị Huỳnh Thị Tuyết L ngày 11/10/2007 (hiện do bà D đang giữ).

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Huỳnh Thị Tuyết L phải chịu 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp tạm ứng theo các biên lai thu số 0000293 ngày 04/11/2021, số 0000546 ngày 26/01/2022 và số 0000815 ngày 19/5/2022. Sau khi khấu trừ bà D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Chị Huỳnh Thị Thu T được nhận lại 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000542 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Ông Huỳnh Phú D1 được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm (do ông D là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm).

3. Về án phí phúc thẩm:

Bà D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000997 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh